



ARCHIMEDES

HƯỚNG DẪN HỌC

TOÁN

LỚP

5

Quyển 1



LƯU HÀNH NỘI BỘ - 2021

MỤC LỤC

TUẦN 1. ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ	4
KIẾN THỨC CẦN NHỚ.....	4
LUYỆN TẬP.....	5
TUẦN 2. HỖN SỐ	13
KIẾN THỨC CẦN NHỚ.....	13
CÁC DẠNG BÀI TẬP	13
Dạng 1. Viết phân số dưới dạng hỗn số và ngược lại	13
Dạng 2. Cộng, trừ hỗn số.....	13
Dạng 3. Nhân, chia hỗn số	14
LUYỆN TẬP.....	15
TUẦN 3. ÔN TẬP CÁC BÀI TOÁN VỀ PHÂN SỐ	18
I. TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC	18
LUYỆN TẬP.....	18
II. TÌM MỘT SỐ KHI BIẾT GIÁ TRỊ MỘT PHÂN SỐ CỦA SỐ ĐÓ	21
LUYỆN TẬP.....	21
III. TỈ SỐ CỦA HAI SỐ	23
TUẦN 4. LUYỆN TẬP	25
TUẦN 5-6. TỈ LỆ THUẬN – TỈ LỆ NGHỊCH	30
I. BÀI TOÁN TỈ LỆ THUẬN	30
LUYỆN TẬP.....	31
II. BÀI TOÁN TỈ LỆ NGHỊCH.....	33
LUYỆN TẬP.....	34
III. BÀI TOÁN TỈ LỆ KÉP	36
LUYỆN TẬP	37
TUẦN 7. HAI HIỆU SỐ.....	40
LUYỆN TẬP.....	40
TUẦN 8-9. HAI TỈ SỐ	44
KIẾN THỨC CẦN NHỚ.....	44
CÁC DẠNG BÀI TẬP	44
Dạng 1. Bài toán hai tỉ số có tổng không thay đổi.....	44
Dạng 2. Bài toán hai tỉ số có hiệu không đổi.....	45
LUYỆN TẬP.....	46

TUẦN 1. ÔN TẬP PHÉP TÍNH VỀ PHÂN SỐ

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

Cho A, B, C là các phân số.

- Tính chất giao hoán của phép cộng, phép nhân:

$$A + B = B + A \qquad A \times B = B \times A$$

- Tính chất kết hợp của phép cộng, phép nhân:

$$A + B + C = A + (B + C) = (A + C) + B$$

$$A \times B \times C = A \times (B \times C) = (A \times C) \times B$$

- Một phân số trừ đi một tổng (hiệu) các phân số:

$$A - (B + C) = A - B - C \qquad A - (B - C) = A - B + C$$

- Một phân số chia cho một tích (thương) các phân số:

$$A : (B \times C) = A : B : C \qquad A : (B : C) = A : B \times C$$

- Nhân một phân số với một tổng (hiệu) các phân số:

$$A \times (B + C) = A \times B + A \times C$$

$$A \times (B - C) = A \times B - A \times C$$

- Tính chất phân số bằng nhau: Nếu $\frac{a}{b} = \frac{c}{d}$ (b; d khác 0) thì $a \times d = b \times c$ (tích chéo)
- So sánh phân số (cùng mẫu, cùng tử, trung gian, phần hơn, phần bù, quy đồng mẫu, quy đồng tử, ...).

Ví dụ. So sánh các cặp phân số sau (giải thích cách làm).

a) $\frac{3}{5}; \frac{4}{7}$

b) $\frac{61}{62}; \frac{64}{63}$

c) $\frac{19}{24}; \frac{34}{39}$

d) $\frac{12}{11}; \frac{13}{12}$

LUYỆN TẬP**Bài 1.** Tính:

a) $\frac{3}{5} + \frac{4}{7} + \frac{2}{5} + \frac{3}{7}$

b) $\frac{13}{9} - \frac{4}{3} + \frac{5}{9}$

c) $\frac{5}{9} - \frac{5}{6} + \frac{4}{9} - \frac{1}{6}$

d) $\frac{25}{100} + \frac{17}{25} + \frac{27}{34} + \frac{3}{4} + \frac{8}{25} + \frac{7}{34}$

e) $\frac{44}{21} - \left(\frac{5}{6} + \frac{2}{21} \right)$

f) $\frac{16}{9} - \left(\frac{7}{9} - \frac{8}{11} \right)$

g) $\frac{3}{4} - \frac{3}{4} \times \frac{1}{2} + \frac{7}{16}$

h) $\frac{5}{2} : \frac{4}{3} \times \frac{1}{4} + \frac{3}{4}$

Bài 2. Tính:

a) $\frac{4}{9} \times \frac{5}{6} + \frac{4}{9} \times \frac{1}{6}$

b) $\frac{8}{5} \times \frac{11}{17} + \frac{11}{17} \times \frac{2}{5} - \frac{11}{17}$

c) $\frac{21}{4} \times \frac{2}{9} \times \frac{4}{21} \times \frac{9}{2}$

d) $\frac{32}{21} \times \frac{42}{45} : \frac{16}{55} \times \frac{15}{33}$

Bài 3. Tìm y, biết:

a) $\left(\frac{1}{4} + y\right) \times \frac{1}{2} = \frac{2}{5}$

b) $y \times \frac{2}{3} - \frac{2}{3} = \frac{9}{12}$

c) $y \times \frac{6}{11} + y \times \frac{5}{11} = 2021$

d) $y \times \frac{14}{9} - y \times \frac{7}{9} + y \times \frac{5}{9} = 4$

Bài 4. Tìm số tự nhiên y , biết:

a) $\frac{5}{6} < \frac{y}{8} < \frac{5}{4}$

b) $\frac{2}{13} < \frac{1}{y} < \frac{3}{4}$

Bài 5. So sánh các cặp phân số sau (giải thích cách làm).

a) $\frac{18}{45}$ và $\frac{4}{10}$

b) $\frac{3}{19}$ và $\frac{4}{23}$

c) $\frac{15}{12}$ và $\frac{20}{28}$

d) $\frac{19}{43}$ và $\frac{23}{39}$

e) $\frac{2020}{2021}$ và $\frac{2021}{2022}$

f) $\frac{19}{15}$ và $\frac{17}{13}$

Bài 6. Một cửa hàng ngày thứ nhất bán được $\frac{1}{5}$ tổng số gạo, ngày thứ hai bán nhiều hơn ngày thứ nhất $\frac{1}{4}$ tổng số gạo. Hỏi cả hai ngày cửa hàng đó bán được bao nhiêu phần của tổng số gạo?

Bài 7. Một chiếc khăn hình chữ nhật có chiều dài $\frac{15}{12}$ m, chiều rộng kém chiều dài $\frac{7}{12}$ m. Tính chu vi và diện tích của chiếc khăn đó.

Bài 8. Tìm một phân số, biết rằng nếu lấy phân số đó cộng với $\frac{1}{4}$ rồi cộng tiếp $\frac{7}{8}$ thì được kết quả là $\frac{31}{24}$.

Bài 9. Tổng chiều dài của ba mảnh vải là $\frac{65}{12}$ m. Tổng chiều dài của mảnh vải thứ nhất và mảnh vải thứ hai là $\frac{25}{6}$ m. Tổng chiều dài của mảnh vải thứ hai và mảnh vải thứ ba là $\frac{15}{4}$ m. Tính chiều dài mỗi mảnh vải.

Bài 10. So sánh các cặp phân số sau (giải thích cách làm).

a) $A = \frac{1+3+5+7+\dots+99}{50}$ và $B = \frac{2+4+\dots+98}{49}$

b) $C = \frac{57 \times 113 - 56}{56 \times 113 + 57}$ và $D = \frac{135 \times 269 - 133}{134 \times 269 + 135}$

Bài 11. Tính bằng cách thuận tiện:

a) $A = \frac{202 \times 209 + 10}{202 \times 211 - 394}$

b) $B = \left(1 + \frac{1}{2}\right) \times \left(1 + \frac{1}{3}\right) \times \left(1 + \frac{1}{4}\right) \times \dots \times \left(1 + \frac{1}{290}\right) \times \left(1 + \frac{1}{291}\right)$

c) $C = \frac{1 \times 3 \times 5 + 2 \times 6 \times 10 + 3 \times 9 \times 15}{3 \times 5 \times 12 + 6 \times 10 \times 24 + 9 \times 15 \times 36}$

d) $D = \frac{1}{2} + \frac{1}{4} + \frac{1}{8} + \frac{1}{16} + \frac{1}{32} + \frac{1}{64} + \frac{1}{128} + \frac{1}{256}$

e) $E = \frac{1}{3} + \frac{1}{9} + \frac{1}{27} + \frac{1}{81} + \frac{1}{243}$

Bài 12. Tính:

$$A = \frac{1}{2} + \frac{1}{6} + \frac{1}{12} + \frac{1}{20} + \frac{1}{30} + \frac{1}{42}$$

$$B = \frac{2}{1 \times 3} + \frac{2}{3 \times 5} + \frac{2}{5 \times 7} + \dots + \frac{2}{19 \times 21} + \frac{2}{21 \times 23}$$

$$C = \frac{1}{1 \times 3} + \frac{1}{3 \times 5} + \frac{1}{5 \times 7} + \dots + \frac{1}{21 \times 23} + \frac{1}{23 \times 25}$$

$$D = \frac{3}{2 \times 5} + \frac{4}{5 \times 9} + \frac{5}{9 \times 14} + \frac{6}{14 \times 20} + \frac{7}{20 \times 27}$$

TUẦN 2. HỖN SỐ

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Định nghĩa: Với các số tự nhiên a, b, c khác 0 và $b < c$. Số có dạng $a\frac{b}{c}$ gọi là hỗn số (đọc là: a và b phần c).

2. Cấu tạo hỗn số: Gồm phần nguyên và phần phân số với phần phân số nhỏ hơn 1.

CÁC DẠNG BÀI TẬP

Dạng 1. Viết phân số dưới dạng hỗn số và ngược lại

- Cách chuyển phân số thành hỗn số:

Ví dụ. $\frac{7}{4} = ?$ Ta có: $7 : 4 = 1$ (dư 3). Vậy $\frac{7}{4} = 1\frac{3}{4}$.

- Cách chuyển hỗn số thành phân số:

Ví dụ. $1\frac{3}{4} = \frac{4 \times 1 + 3}{4} = \frac{7}{4}$.

Dạng 2. Cộng, trừ hỗn số

Khi cộng hoặc trừ hai hỗn số ta có thể viết chúng dưới dạng phân số rồi thực hiện phép cộng hoặc trừ hai phân số. Ta cũng có thể cộng hoặc trừ phần nguyên với nhau, cộng hoặc trừ phần phân số với nhau.

Ví dụ 1. Tính:

a) $2\frac{3}{5} + 4\frac{1}{3}$

Cách 1:

$$2\frac{3}{5} + 4\frac{1}{3} = \frac{13}{5} + \frac{13}{3} = \frac{39 + 65}{15} = \frac{104}{15} = 6\frac{14}{15}$$

Cách 2:

$$2\frac{3}{5} + 4\frac{1}{3} = (2 + 4) + \left(\frac{3}{5} + \frac{1}{3}\right) = 6 + \frac{9 + 5}{15} = 6\frac{14}{15}$$

b) $2\frac{2}{3} - 1\frac{1}{7}$

Cách 1:

$$2\frac{2}{3} - 1\frac{1}{7} = \frac{8}{3} - \frac{8}{7} = \frac{56 - 24}{21} = \frac{32}{21} = 1\frac{11}{21}$$

Cách 2:

$$2\frac{2}{3} - 1\frac{1}{7} = (2 - 1) + \left(\frac{2}{3} - \frac{1}{7}\right) = 1 + \frac{14 - 3}{21} = 1\frac{11}{21}$$

Chú ý: Nếu phần phân số của số bị trừ nhỏ hơn phần phân số của số trừ, ta phải rút một đơn vị ở phần nguyên của số bị trừ để thêm vào phần phân số.

Ví dụ 2. $8\frac{1}{5} - 3\frac{1}{2} = 8\frac{2}{10} - 3\frac{5}{10} = 7\frac{12}{10} - 3\frac{5}{10} = 4\frac{7}{10}$.

Ví dụ 3. Tính:

a) $3\frac{4}{9} + 1\frac{1}{6}$

b) $7\frac{1}{8} - 5\frac{3}{4}$

c) $5 - 2\frac{6}{7}$

Dạng 3. Nhân, chia hỗn số

Muốn nhân hoặc chia hai hỗn số ta viết hai hỗn số đó dưới dạng phân số rồi thực hiện phép nhân hoặc chia hai phân số.

Ví dụ 4.

a) $5\frac{1}{2} \times 3\frac{3}{4} = \frac{11}{2} \times \frac{15}{4} = \frac{11 \times 15}{2 \times 4} = \frac{165}{8}$

b) $6\frac{1}{3} : 4\frac{2}{9} = \frac{19}{3} : \frac{38}{9} = \frac{19}{3} \times \frac{9}{38} = \frac{3}{2}$

Ví dụ 5. Tính:

a) $3\frac{5}{9} \times 1\frac{1}{8}$

b) $2 \times 4\frac{1}{3}$

c) $4\frac{1}{4} : 5\frac{2}{3}$

LUYỆN TẬP**Bài 13.** Tính:

a) $2\frac{2}{5} + 4\frac{1}{4}$

b) $7\frac{3}{8} - 6\frac{1}{4}$

c) $2\frac{1}{12} \times 2\frac{2}{5}$

d) $5\frac{2}{3} : 2\frac{1}{4}$

Bài 14. Tìm x, biết:

a) $x + \frac{2}{3} = 2\frac{1}{4}$

b) $3\frac{4}{5} - x = \frac{17}{5}$

c) $x : 3\frac{1}{15} - \frac{3}{5} = 2\frac{2}{5}$

d) $x \times 3\frac{2}{3} - 2\frac{2}{3} = 1\frac{1}{3}$

Bài 15. Tính:

a) $12\frac{2}{9} + 2\frac{3}{5} - 8\frac{2}{9}$

b) $8\frac{7}{8} - \left(3\frac{4}{9} + 4\frac{7}{8}\right)$

c) $4\frac{1}{4} + 2\frac{3}{4} \times 1\frac{1}{11}$

d) $2\frac{1}{11} - 1\frac{3}{4} : 2\frac{1}{5}$

e) $3\frac{2}{5} \times 6\frac{1}{4} + 3\frac{2}{5} \times 3\frac{3}{4}$

f) $3\frac{1}{9} \times 18\frac{5}{7} - 9\frac{5}{7} \times 3\frac{1}{9}$

Bài 16. Người ta hòa $3\frac{1}{2}$ lít si-rô nho vào $6\frac{3}{4}$ lít nước lọc để pha nước nho, rồi rót đều nước nho đó vào các cốc, mỗi cốc chứa $\frac{1}{4}$ lít. Hỏi rót được bao nhiêu cốc?

Bài 17. Một sợi dây dài 16m. Người ta cắt ra sáu đoạn bằng nhau và mỗi đoạn dài $1\frac{1}{2}$ m. Phần dây còn lại, người ta cắt được bốn đoạn dài như nhau. Hỏi mỗi đoạn dây cắt ra ở lần thứ hai dài bao nhiêu mét?

Bài 18. Tính:

a) $A = 1\frac{1}{2} \times 1\frac{1}{3} \times 1\frac{1}{4} \times 1\frac{1}{5} \times \dots \times 1\frac{1}{2021} \times 1\frac{1}{2022}$

b) $B = 1\frac{1}{2} + 1\frac{1}{6} + 1\frac{1}{12} + 1\frac{1}{20} + \dots + 1\frac{1}{380}$

TUẦN 3. ÔN TẬP CÁC BÀI TOÁN VỀ PHÂN SỐ

I. TÌM GIÁ TRỊ PHÂN SỐ CỦA MỘT SỐ CHO TRƯỚC

Muốn tìm giá trị phân số $\frac{m}{n}$ (m, n là các số tự nhiên, n khác 0) của một số a cho trước, ta tính $a \times \frac{m}{n}$.

Ví dụ. Một khu vườn rộng 1200m^2 . Người ta dùng $\frac{1}{4}$ diện tích để trồng bưởi, $\frac{1}{6}$ diện tích để trồng ổi, phần còn lại để trồng rau. Hỏi diện tích trồng rau là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

Cách 1:

Diện tích trồng ổi là: $1200 \times \frac{1}{6} = 200 \text{ (m}^2\text{)}$

Diện tích trồng bưởi là:

$$1200 \times \frac{1}{4} = 300 \text{ (m}^2\text{)}$$

Diện tích trồng rau là:

$$1200 - 300 - 200 = 700 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 700m^2

Cách 2:

Diện tích trồng rau bằng:

$$1 - \frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{7}{12} \text{ (diện tích khu vườn)}$$

Diện tích trồng rau là:

$$1200 \times \frac{7}{12} = 700 \text{ (m}^2\text{)}$$

Đáp số: 700m^2

LUYỆN TẬP

Bài 19. Để chuẩn bị cho năm học mới, mẹ mua 45 quyển vở cho hai chị em. Chị dùng hết $\frac{1}{3}$ số vở, em dùng hết $\frac{1}{5}$ số vở. Hỏi mẹ còn lại bao nhiêu quyển vở?

Bài 20. Một xe máy đi 140km trong ba giờ. Trong giờ thứ nhất, xe đi được $\frac{1}{4}$ quãng đường. Trong giờ thứ hai, xe đi được $\frac{3}{7}$ quãng đường còn lại. Hỏi trong giờ thứ ba xe đi được bao nhiêu ki-lô-mét?

Bài 21. Một người bán hết 63kg gạo trong bốn lần. Lần đầu bán $\frac{1}{2}$ số gạo và $\frac{1}{2}$ kg gạo. Lần thứ hai bán $\frac{1}{2}$ số gạo còn lại và $\frac{1}{2}$ kg gạo. Lần thứ ba bán $\frac{1}{2}$ số gạo còn lại sau hai lần và $\frac{1}{2}$ kg gạo. Hỏi lần thứ tư người đó bán bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 22. Cho một số, biết rằng $\frac{3}{5}$ của 2020 nhỏ hơn số đó là 105 đơn vị. Hỏi $\frac{4}{3}$ số đó nhỏ hơn số 2022 bao nhiêu đơn vị?

Bài 23. Trường Tiểu học Archimedes Academy có 1600 học sinh. Số học sinh khối 5 bằng $\frac{1}{5}$ tổng số học sinh toàn trường, trong đó số học sinh nữ chiếm $\frac{3}{8}$ số học sinh cả khối. Tính số học sinh nữ, số học sinh nam của khối 5.

Bài 24. Một công nhân tháng 3 làm được 240 sản phẩm, tháng 4 làm được tăng thêm $\frac{1}{4}$ số sản phẩm so với tháng 3, tháng 5 lại làm được tăng thêm $\frac{1}{5}$ số sản phẩm so với tháng 4. Hỏi trong cả ba tháng công nhân đó làm được bao nhiêu sản phẩm?

II. TÌM MỘT SỐ KHI BIẾT GIÁ TRỊ MỘT PHẦN SỐ CỦA SỐ ĐÓ

Biết giá trị phân số $\frac{m}{n}$ (với m, n khác 0) của một số bằng a . Số đó là $a : \frac{m}{n}$.

Ví dụ. Trong một vườn cây. Người ta dùng $\frac{1}{4}$ diện tích trồng bưởi, $\frac{1}{6}$ diện tích trồng ổi, còn lại 700m^2 để trồng rau. Hỏi diện tích khu vườn là bao nhiêu mét vuông?

Bài giải

Diện tích trồng rau bằng: $1 - \frac{1}{4} - \frac{1}{6} = \frac{7}{12}$ (diện tích khu vườn)

Diện tích khu vườn là: $700 : \frac{7}{12} = 1200 (\text{m}^2)$

Đáp số: 1200m^2

LUYỆN TẬP

Bài 25. Biết $\frac{2}{3}$ quả dưa nặng 4kg . Hỏi quả dưa đó nặng bao nhiêu ki-lô-gam?

Bài 26. Một thùng đựng dầu, sau khi lấy đi 12 lít dầu thì số dầu còn lại bằng $\frac{3}{5}$ số dầu ban đầu. Hỏi lúc đầu thùng đựng bao nhiêu lít dầu?

Bài 27. Trong một hộp kẹo có $\frac{1}{2}$ số kẹo là kẹo sô-cô-la, $\frac{1}{3}$ số kẹo là kẹo sữa, còn lại 24 cái kẹo dẻo. Hỏi hộp đó có tất cả bao nhiêu cái kẹo?

Bài 28. Một tiệm may sử dụng một tấm vải để may áo. Buổi sáng họ dùng hết $\frac{2}{5}$ tấm vải. Buổi chiều họ dùng hết $\frac{3}{8}$ tấm vải thì còn lại 18m vải. Hỏi tấm vải đó dài bao nhiêu mét?

Bài 29. Một khu vườn có ba loại cây: cam, quýt, bưởi. Số cây cam chiếm $\frac{3}{5}$ tổng số cây, số cây quýt bằng $\frac{1}{2}$ số cây cam và còn lại 6 cây bưởi. Hỏi khu vườn đó có tất cả bao nhiêu cây?

III. TỈ SỐ CỦA HAI SỐ

Bài 30. Tìm hai số có trung bình cộng là 48, biết số bé bằng $\frac{3}{5}$ số lớn.

Bài 31. Tìm phân số có giá trị bằng $\frac{3}{8}$, biết phân số đó có mẫu số hơn tử số 25.

Bài 32. Hai tổ công nhân có 54 người. Biết rằng $\frac{2}{5}$ số công nhân của tổ một bằng $\frac{1}{2}$ số công nhân tổ hai. Hỏi mỗi tổ có bao nhiêu công nhân?

Bài 33. Một cửa hàng trong ba ngày bán được 1400 lít dầu. Ngày thứ nhất cửa hàng bán gấp đôi ngày thứ hai, ngày thứ hai bán bằng $\frac{1}{4}$ ngày thứ ba. Hỏi mỗi ngày cửa hàng bán được bao nhiêu lít dầu?

Bài 34. Hiệu hai số bằng 405, tổng hai số bằng năm lần số bé. Tìm hai số đó.

Bài 35. Bốn bạn Dũng, Hùng, Nam, Văn có một số viên bi. Số bi của Dũng bằng $\frac{1}{2}$ tổng số bi của ba bạn còn lại. Số bi của Hùng bằng $\frac{1}{5}$ tổng số bi của ba bạn còn lại. Số bi của Văn gấp 3 lần số bi của Nam. Tính số bi của mỗi bạn, biết Dũng có nhiều hơn Hùng 20 viên bi.

TUẦN 4. LUYỆN TẬP

Bài 36. Trên bản đồ tỉ lệ 1 : 2000, một mảnh đất hình vuông có chu vi là 16cm. Hỏi thực tế mảnh đất đó có diện tích là bao nhiêu mét vuông?

Bài 37. Một khu công nghiệp hình chữ nhật có chu vi là 32km. Biết chiều dài gấp ba lần chiều rộng. Hỏi trên bản đồ tỉ lệ 1 : 50000 thì khu công nghiệp đó có diện tích là bao nhiêu xăng-ti-mét vuông?

Bài 38. Một trường có 1200 học sinh, trong đó số học sinh giỏi chiếm $\frac{5}{8}$ tổng số học sinh, số học sinh khá chiếm $\frac{1}{3}$ tổng số học sinh, còn lại là học sinh trung bình. Tính số học sinh trung bình của trường đó.

Bài 39. Khối 5 có tất cả 360 học sinh. Trong một buổi lao động có $\frac{1}{4}$ số học sinh đang quét sân trường, $\frac{1}{3}$ số học sinh đang trồng cây, $\frac{1}{5}$ số học sinh đang xếp bàn ghế, còn lại là học sinh tưới cây. Hỏi có bao nhiêu học sinh tưới cây?

Bài 40. Huy có 45 viên bi gồm ba màu: xanh, đỏ, vàng. Biết số bi xanh chiếm $\frac{1}{3}$ tổng số bi, số bi đỏ bằng $\frac{2}{3}$ số bi màu xanh. Hỏi Huy có bao nhiêu viên bi màu vàng?

Bài 41. Một người bán dứa, lần thứ nhất bán $\frac{1}{4}$ số dứa, lần thứ hai bán $\frac{1}{2}$ số dứa còn lại thì còn 120 quả dứa. Hỏi ban đầu người đó có bao nhiêu quả dứa?

Bài 42. Một cửa hàng bán gạo. Ngày thứ nhất cửa hàng bán $\frac{2}{5}$ số gạo, ngày thứ hai bán $\frac{1}{3}$ số gạo và 16kg, ngày thứ ba bán 40kg nữa thì vừa hết số gạo. Hỏi lúc đầu cửa hàng đó có bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

Bài 43. Một cửa hàng bán hết số xe đạp trong ba ngày. Ngày thứ nhất, cửa hàng bán được $\frac{3}{5}$ số xe đạp, ngày thứ hai bán $\frac{2}{7}$ số xe đạp còn lại, ngày thứ ba bán nốt 20 chiếc xe đạp. Hỏi cửa hàng bán được bao nhiêu chiếc xe đạp?

Bài 44. Ba bạn An, Bình, Chi góp tiền mua một cuốn sách. Biết rằng, An góp $\frac{1}{4}$ tổng số tiền, Bình góp $\frac{1}{8}$ tổng số tiền và Chi góp nhiều hơn Bình là 60 000 đồng thì vừa đủ. Tính giá tiền của cuốn sách đó.

Bài 45. Hai kho có số thóc bằng nhau. Biết rằng, nếu lấy ở kho thứ nhất $\frac{2}{5}$ số thóc và kho thứ hai $\frac{3}{7}$ số thóc thì số thóc còn lại ở kho thứ hai ít hơn ở kho thứ nhất là 6 tấn. Tính số thóc ở mỗi kho lúc đầu.

Bài 46. Có ba kho chứa gạo. Kho A có lượng gạo bằng $\frac{1}{2}$ tổng số gạo của kho B và kho C. Kho B có lượng gạo bằng $\frac{1}{3}$ tổng số gạo của kho C và kho A. Biết rằng kho C có 250 tấn gạo. Hỏi cả ba kho có bao nhiêu tấn gạo?

Bài 47. Có hai bao đường, biết rằng nếu lấy $\frac{1}{3}$ số đường ở bao thứ nhất chuyển sang bao thứ hai rồi lấy $\frac{1}{5}$ số đường hiện có của bao thứ hai chuyển sang bao thứ nhất thì mỗi bao có 24kg đường. Hỏi lúc đầu mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam đường?

Bài 48. Một bình chứa nước. Khi bình chứa $\frac{1}{6}$ lượng nước trong bình thì nặng 250g, còn khi bình chứa $\frac{1}{4}$ lượng nước trong bình thì nặng 300g. Tính khối lượng vỏ bình.

TUẦN 5-6. TỈ LỆ THUẬN – TỈ LỆ NGHỊCH

I. BÀI TOÁN TỈ LỆ THUẬN

- Hai đại lượng gọi là **tỉ lệ thuận** nếu giá trị của đại lượng này tăng (hoặc giảm) bao nhiêu lần thì giá trị của đại lượng kia cũng tăng (hoặc giảm) bấy nhiêu lần.
- Phương pháp giải: Rút về đơn vị, lập tỉ số hoặc quy tắc tam suất.

Ví dụ. Cứ 5 học sinh thì trồng được 20 cây. Hỏi lớp có 45 học sinh thì trồng được bao nhiêu cây?

Bài giải

Cách 1: Rút về đơn vị

1 học sinh trồng được số cây là:

$$20 : 5 = 4 \text{ (cây)}$$

45 học sinh trồng được số cây là:

$$4 \times 45 = 180 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 180 cây

Cách 2: Lập tỉ số

45 học sinh gấp 5 học sinh số lần là:

$$45 : 5 = 9 \text{ (lần)}$$

45 học sinh trồng được số cây là:

$$20 \times 9 = 180 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 180 cây

Cách 3: Quy tắc tam suất

5 học sinh : 20 cây

45 học sinh : ? cây

45 học sinh trồng được số cây là:

$$20 \times \frac{45}{5} = 180 \text{ (cây)}$$

Đáp số: 180 cây

LUYỆN TẬP

Bài 49. Một xe máy trong 2 giờ đi được 100km. Hỏi 6 giờ xe máy đó đi được bao nhiêu ki-lô-mét? (Biết mỗi giờ xe máy đi được quãng đường như nhau)

Bài 50. May 24 bộ quần áo như nhau hết 72m vải. Hỏi có 48m vải thì may được bao nhiêu bộ quần áo như thế?

Bài 51. Mua 25kg gạo hết 210 000 đồng. Hỏi mua 50kg như thế hết bao nhiêu tiền?

Bài 52. Một xe máy đi trong 2 giờ được 75km. Hỏi xe máy đó đi trong bao lâu để đi hết quãng đường dài 225km. (Biết mỗi giờ xe máy đi được quãng đường như nhau)

Bài 53. Một ô tô cứ chạy 90km thì hết 12/ xăng. Hỏi ô tô đó chạy quãng đường dài 120km thì hết bao nhiêu lít xăng?

Bài 54. Trong 100g nước biển có 5g muối. Hỏi trong 1 tạ nước biển có bao nhiêu ki-lô-gam muối?

Bài 55. Trong một tuần, 12 công nhân làm được 117 sản phẩm. Hỏi cũng thời gian như thế, 36 công nhân làm được bao nhiêu sản phẩm. Biết năng suất mỗi người công nhân là như nhau.

II. BÀI TOÁN TỈ LỆ NGHỊCH

- Hai đại lượng gọi là **tỉ lệ nghịch**, nếu giá trị của đại lượng này tăng (hoặc giảm) bao nhiêu lần thì giá trị của đại lượng kia cũng giảm (hoặc tăng) bấy nhiêu lần.
- Phương pháp giải: Rút về đơn vị, lập tỉ số hoặc quy tắc tam suất.

Ví dụ. 10 người làm xong một công việc phải hết 8 ngày. Nếu muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày thì cần bao nhiêu người? (Mức làm của mỗi người như nhau)

Bài giải

Cách 1: Rút về đơn vị

Một người làm xong công việc đó trong số ngày là:

$$10 \times 8 = 80 \text{ (ngày)}$$

Muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày thì cần số người là:

$$80 : 4 = 20 \text{ (người)}$$

Đáp số: 20 người

Cách 2: Lập tỉ số

8 ngày gấp 4 ngày số lần là:

$$8 : 4 = 2 \text{ (lần)}$$

Muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày thì cần số người là:

$$10 \times 2 = 20 \text{ (người)}$$

Đáp số: 20 người

Cách 3: Quy tắc tam suất

10 người : 8 ngày

? người : 4 ngày

Muốn làm xong công việc đó trong 4 ngày thì cần số người là:

$$10 \times \frac{8}{4} = 20 \text{ (người)}$$

Đáp số: 20 người

LUYỆN TẬP

Bài 56. Người ta chia một số kẹo vào các túi giống nhau. Nếu chia mỗi túi 20 cái kẹo thì được 8 túi. Hỏi nếu chia mỗi túi 16 cái kẹo thì được bao nhiêu túi?

Bài 57. Một người thợ làm một công việc được giao. Nếu mỗi ngày người đó làm 8 giờ thì sẽ hoàn thành công việc trong 15 ngày. Hỏi nếu mỗi ngày người đó làm 6 giờ thì sẽ hoàn thành công việc đó trong bao lâu?

Bài 58. Một công trường dự trữ lương thực đủ cho 400 người ăn trong 32 ngày. Vì có một số người đến thêm nên số lương thực đó chỉ đủ dùng trong 20 ngày. Tính số người mới đến thêm. (Biết khẩu phần ăn của mỗi người như nhau)

Bài 59. Một đơn vị bộ đội dự trữ gạo cho 320 người ăn trong 25 ngày. Do có một số người bị điều đi làm việc khác nên số ngày ăn tăng thêm 7 ngày. Hỏi có bao nhiêu người bị điều đi? (Biết khẩu phần ăn của mỗi người như nhau)

Bài 60. Một đội thi công có 54 người dự kiến hoàn thiện một đoạn đường trong 10 ngày. Làm được 3 ngày thì có một số công nhân bị điều đi làm việc khác nên công việc còn lại được hoàn thiện trong 9 ngày nữa. Hỏi có bao nhiêu công nhân bị điều đi làm việc khác?

Bài 61. Theo dự định 60 thợ xây xong một bể bơi trong 42 ngày. Sau 10 ngày có một số thợ đến giúp nên xong sớm hơn dự kiến 12 ngày. Hỏi có bao nhiêu thợ đến giúp?

III. BÀI TOÁN TỈ LỆ KÉP

- Bài toán tỉ lệ kép là bài toán xuất hiện từ ba đại lượng có mối tương quan tỉ lệ thuận (hoặc tỉ lệ nghịch) với nhau.

- Phương pháp giải toán ba đại lượng tỉ lệ:

a) Phương pháp ba dòng.

+ Dòng 1: giả định bài toán cho.

+ Dòng 2: cố định đại lượng thứ hai.

+ Dòng 3: cố định đại lượng thứ nhất.

b) Quy tắc tam suất kép.

Ví dụ. Nếu 5 người, mỗi người làm việc trong 6 giờ thì được nhận 150 000 đồng. Hỏi nếu 15 người, mỗi người làm việc trong 3 giờ thì được nhận bao nhiêu tiền? (Biết rằng giá trị giờ công của mỗi người là như nhau)

Bài giải

Cách 1: Phương pháp ba dòng

5 người làm việc trong 3 giờ thì nhận được số tiền là:

$$150\,000 : 6 \times 3 = 75\,000 \text{ (đồng)}$$

15 người làm việc trong 3 giờ thì nhận được số tiền là:

$$75\,000 : 5 \times 15 = 225\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 225 000 đồng

Cách 2: Quy tắc tam suất kép

5 người – 6 giờ – 150 000 đồng

15 người – 3 giờ – ? đồng

15 người làm việc trong 3 giờ nhận được số tiền là:

$$150\,000 \times \frac{15}{5} \times \frac{3}{6} = 225\,000 \text{ (đồng)}$$

Đáp số: 225 000 đồng

LUYỆN TẬP

Bài 62. Có 5 xe chở hàng cùng loại, mỗi xe đi 60km thì tổng chi phí vận chuyển hết 3 000 000 đồng. Hỏi 7 xe như thế, mỗi xe đi 100km thì tổng chi phí vận chuyển là bao nhiêu?

Bài 63. Một phân xưởng được giao sản xuất một lô hàng. Ban quản lý phân xưởng tính rằng nếu 10 công nhân, mỗi người sản xuất 60 sản phẩm một ngày thì sẽ hoàn thành trong 20 ngày. Hỏi nếu 20 công nhân, mỗi người làm 75 sản phẩm một ngày thì sẽ hoàn thành trong bao nhiêu ngày?

Bài 64. Có 4 tổ, mỗi tổ 5 người làm xong công việc phải hết 12 ngày. Hỏi nếu có 6 tổ muốn làm xong công việc đó trong 5 ngày thì mỗi tổ cần bao nhiêu người? (Biết năng suất của mỗi người như nhau)

Bài 65. Cứ 8 người gói trong 5 giờ sẽ làm được 360 sản phẩm. Hỏi muốn làm 540 sản phẩm trong 6 giờ thì cần bao nhiêu người? (Biết năng suất của mỗi người như nhau)

Bài 66. Một tổ công nhân làm sạch một khoảng sân diện tích 800m^2 . Cứ 4 người trong 30 phút thì làm sạch 80m^2 . Hỏi 10 người thì mất bao lâu để hoàn thành công việc?

Bài 67. Một tổ công nhân có 15 người trong 6 ngày làm được 135 sản phẩm. Hỏi nếu tổ có 18 người trong 8 ngày thì làm được bao nhiêu sản phẩm? (Biết năng suất mỗi người như nhau)

Bài 68. Một đội công nhân có 150 người đắp một đoạn đường dài 8km, mỗi ngày làm trong 8 giờ. Trước khi khởi công, đội được điều thêm 50 người và được giao thêm 4km đường nữa. Hỏi để hoàn thành đúng kế hoạch thì mỗi ngày phải làm việc mấy giờ? (Biết năng suất mỗi người như nhau)

Bài 69. Có 15 người làm xong 2 đơn hàng trong 8 ngày. Hỏi làm 4 đơn hàng như thế trong 5 ngày thì phải cần bao nhiêu người? (Biết năng suất mỗi người như nhau)

Bài 70. Có 14 người làm xong 4 đơn hàng trong 40 ngày. Hỏi 25 người làm xong 10 đơn hàng như thế thì phải cần bao nhiêu ngày? (Biết năng suất mỗi người như nhau)

TUẦN 7. HAI HIỆU SỐ

LUYỆN TẬP

Bài 71. Cô giáo chia vở cho các em học sinh. Nếu mỗi em 3 quyển thì thừa 8 quyển. Nếu mỗi em 4 quyển thì thiếu 4 quyển. Tính số học sinh và số vở.

Bài 72. Anh chia táo cho các em. Nếu mỗi em được 4 quả thì thừa 7 quả, nếu mỗi em được 6 quả thì thiếu 5 quả. Hỏi có bao nhiêu quả táo và bao nhiêu em được chia táo?

Bài 73. Cô giáo chia vở cho học sinh. Nếu mỗi em 8 quyển thì thừa 36 quyển, nếu mỗi em 10 quyển thì thừa 4 quyển. Hỏi cô có bao nhiêu quyển vở và bao nhiêu em được chia vở?

Bài 74. Một cửa hàng bán gạo. Nếu chia mỗi túi 25kg thì thiếu 80kg, nếu chia mỗi túi 20kg thì thiếu 20kg. Hỏi cửa hàng có bao nhiêu ki-lô-gam gạo và bao nhiêu túi?

Bài 75. Trong một đợt thu hoạch thóc, nếu đóng mỗi bao 45kg thì còn thừa 75kg, còn nếu đóng mỗi bao 40kg thì vẫn còn thừa 20kg. Hỏi đợt đó thu hoạch được bao nhiêu ki-lô-gam thóc và có bao nhiêu chiếc bao được mang ra sử dụng?

Bài 76. Ở một lớp học, nếu xếp mỗi bàn 3 bạn thì còn 6 bạn không có chỗ ngồi, nếu xếp mỗi bàn 4 bạn thì thừa 2 bàn. Hỏi lớp có bao nhiêu học sinh và bao nhiêu bàn?

Bài 77. Một đơn vị bộ đội cần sang sông. Nếu mỗi thuyền chở 15 người thì còn 30 người chưa được sang sông. Nếu mỗi thuyền chở 20 người thì còn thừa 2 thuyền. Hỏi có bao nhiêu thuyền và đơn vị bộ đội đó có bao nhiêu người?

Bài 78. Nam có một số viên bi và một số túi. Nếu Nam bỏ vào mỗi túi 8 viên bi thì thừa 16 viên, nếu bỏ vào mỗi túi 10 viên bi thì vừa đủ. Hỏi Nam có bao nhiêu viên bi và bao nhiêu túi?

Bài 79. Một lớp quyết định đi ăn Pizza bằng tiền quỹ lớp. Biết nếu ăn suất 40 nghìn đồng thì thừa 160 nghìn và nếu ăn suất 50 nghìn đồng thì có 3 bạn không được ăn. Hỏi lớp đó có bao nhiêu bạn và quỹ lớp có bao nhiêu tiền?

Bài 80. Đầu năm học mới cô giáo dự định sắp xếp chỗ ngồi cho học sinh. Cô định xếp mỗi bàn 3 em thì 5 em không có chỗ ngồi; còn nếu xếp mỗi bàn 4 em thì còn trống một bàn. Hỏi lớp có bao nhiêu học sinh và bao nhiêu bàn?

Bài 81. Một đội xe được thuê chở gạo. Nếu mỗi xe chở 15 bao gạo thì còn thiếu 1 xe, nếu mỗi xe chở 20 bao gạo thì thừa 1 xe. Hỏi đội xe đó có bao nhiêu xe?

Bài 82. Một nhóm học sinh tham gia đồng diễn thể dục. Nếu xếp 10 em một hàng thì thừa 6 em. Nếu xếp 12 em một hàng thì cũng thừa 6 em nhưng ít đi 2 hàng. Hỏi có bao nhiêu học sinh tham gia đồng diễn?

TUẦN 8-9. HAI TỈ SỐ

KIẾN THỨC CẦN NHỚ

1. Quy ước: Tỉ số của hai số a và b là thương của phép chia a cho b (b khác 0).

2. Khái niệm: Hai số có tỉ số $\frac{a}{b}$ có nghĩa là nếu số thứ nhất tương ứng với a phần bằng nhau thì số thứ hai tương ứng với b phần như thế.

Ví dụ. Tỉ số của số học sinh nam và số học sinh nữ là $\frac{3}{7}$ có nghĩa là nếu số học sinh nam tương ứng với 3 phần bằng nhau thì số học sinh nữ tương ứng với 7 phần như thế.

CÁC DẠNG BÀI TẬP

Dạng 1. Bài toán hai tỉ số có tổng không thay đổi

Ví dụ 1. Hai số có tỉ số là $\frac{2}{5}$. Nếu thêm vào số thứ nhất 4 đơn vị và bớt ở số thứ hai đi 4 đơn vị thì tỉ số mới là $\frac{1}{2}$. Tìm hai số ban đầu.

Hướng dẫn:

Thêm vào số này và bớt ở số kia đi cùng một số đơn vị thì tổng hai số không đổi.

Ta tìm tỉ số của một số với tổng hai số.

Bài giải

Tổng hai số không đổi

Lúc đầu, số thứ nhất bằng: $\frac{2}{2+5} = \frac{2}{7}$ (tổng)

Lúc sau, số thứ nhất bằng: $\frac{1}{1+2} = \frac{1}{3}$ (tổng)

Số thứ nhất lúc sau hơn số thứ nhất lúc đầu là 4 đơn vị.

4 đơn vị ứng với: $\frac{1}{3} - \frac{2}{7} = \frac{1}{21}$ (tổng)

$$\text{Tổng hai số là: } 4 : \frac{1}{21} = 84$$

$$\text{Số thứ nhất là: } \frac{2}{7} \times 84 = 24$$

$$\text{Số thứ hai là: } 84 - 24 = 60$$

Vậy số thứ nhất là 24; số thứ hai là 60.

Dạng 2. Bài toán hai tỉ số có hiệu không đổi

Ví dụ 2. Số thứ nhất bằng $\frac{2}{5}$ số thứ hai. Nếu cùng bớt đi ở mỗi số 6 đơn vị thì lúc này số thứ hai gấp ba lần số thứ nhất. Tìm hai số đó.

Hướng dẫn:

Cùng bớt ở hai số (hoặc cùng thêm vào hai số) một số đơn vị như nhau thì hiệu hai số không đổi. Ta tìm tỉ số của một số với hiệu hai số.

Bài giải

Hiệu hai số không đổi

$$\text{Lúc đầu, số thứ nhất bằng: } \frac{2}{5-2} = \frac{2}{3} \text{ (hiệu)}$$

$$\text{Lúc sau, số thứ nhất bằng: } \frac{1}{3-1} = \frac{1}{2} \text{ (hiệu)}$$

Số thứ nhất lúc đầu hơn số thứ nhất lúc sau là 6 đơn vị.

$$6 \text{ đơn vị ứng với: } \frac{2}{3} - \frac{1}{2} = \frac{1}{6} \text{ (hiệu)}$$

$$\text{Hiệu hai số là: } 6 : \frac{1}{6} = 36$$

$$\text{Số thứ nhất là: } \frac{2}{3} \times 36 = 24$$

$$\text{Số thứ hai là: } 24 + 36 = 60$$

Vậy số thứ nhất là 24; số thứ hai là 60.

LUYỆN TẬP

Bài 83. Tỉ số kẹo của Nam và Bình là $\frac{1}{4}$. Nếu Nam được thêm 12 cái kẹo thì số kẹo của Nam bằng $\frac{3}{4}$ số kẹo của Bình. Tính số kẹo của Bình.

Bài 84. Lớp 5A có số bạn nam gấp 3 lần số bạn nữ. Nếu lớp 5A có thêm 5 bạn nữ thì số bạn nam gấp 2 lần số bạn nữ. Tính số học sinh của lớp 5A.

Bài 85. Một giá sách gồm hai ngăn. Số sách ở ngăn trên bằng $\frac{1}{3}$ số sách ở ngăn dưới. Nếu xếp thêm 24 quyển sách vào ngăn trên thì số sách ở ngăn trên bằng $\frac{7}{9}$ số sách ở ngăn dưới. Hỏi lúc đầu mỗi ngăn có bao nhiêu quyển?

Bài 86. Số tiền của An gấp 3 lần số tiền của Bình. Nếu Bình có thêm 80 000 đồng thì số tiền của An bằng $\frac{3}{5}$ số tiền của Bình. Hỏi lúc đầu An có bao nhiêu tiền?

Bài 87. Trong câu lạc bộ khoa học, $\frac{2}{5}$ số học sinh nam bằng $\frac{3}{7}$ số học sinh nữ. Nếu thêm 26 học sinh nam thì số học sinh nam gấp hai lần số học sinh nữ. Tính tổng số học sinh trong câu lạc bộ khoa học đó.

Bài 88. Tìm hai số có tỉ số bằng $\frac{3}{4}$. Biết nếu thêm 8 đơn vị vào số thứ nhất và bớt 8 đơn vị ở số thứ hai thì ta được hai số mới có tỉ số là $\frac{4}{3}$.

Bài 89. Mai có số kẹo bằng $\frac{2}{3}$ số kẹo của Lam. Nếu Mai cho Lam 6 cái kẹo thì lúc này tỉ số kẹo của Mai và Lam là $\frac{3}{7}$. Hỏi lúc đầu mỗi bạn có bao nhiêu cái kẹo?

Bài 90. Tỉ số của số học sinh nam và số học sinh nữ của một trường là $\frac{1}{2}$. Nếu trường nhận thêm 16 học sinh nam và chuyển đi 16 học sinh nữ thì tỉ số giữa số học sinh nam và số học sinh nữ lúc này là $\frac{2}{3}$. Tính số học sinh của trường.

Bài 91. Trên một chuyến xe bus, số nam gấp ba lần số nữ. Đến trạm dừng thứ nhất, có thêm 2 khách nam lên xe và 2 khách nữ xuống xe nên lúc này số nam gấp năm lần số nữ. Tìm số nam, số nữ ban đầu trên xe bus.

Bài 92. Tỉ số của số sách ở ngăn I và số sách ở ngăn II là $\frac{4}{5}$. Nếu chuyển 20 cuốn sách từ ngăn I sang ngăn II thì lúc này số sách ở ngăn II gấp năm lần số sách ở ngăn I. Tính số sách ở mỗi ngăn lúc đầu.

Bài 93. Hai phân số có giá trị bằng $\frac{3}{4}$. Nếu tử số thêm 6 đơn vị và bớt ở mẫu số 6 đơn vị thì ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{10}{11}$. Tìm phân số ban đầu.

Bài 94. Lớp 5A có số bạn nam gấp 3 lần số bạn nữ. Nếu lớp 5A có thêm 5 bạn nữ và chuyển đi 5 bạn nam thì số bạn nữ chiếm $\frac{4}{11}$ tổng số học sinh của lớp. Tính tổng số học sinh của lớp 5A.

Bài 95. Nếu Nam cho Giang 4 cái kẹo thì số kẹo của Nam gấp hai lần số kẹo của Giang. Còn nếu Giang cho Nam 2 cái kẹo thì số kẹo của Nam gấp bốn lần số kẹo của Giang. Tính số kẹo của mỗi bạn.

Bài 96. Hai kho chứa thóc. Nếu nhập thêm 2 tấn thóc vào kho A và bán đi 2 tấn thóc ở kho B thì số thóc hai kho có tỉ số là $\frac{5}{8}$, còn nếu bán đi 4 tấn thóc ở kho A và nhập thêm 4 tấn thóc vào kho B thì tỉ số thóc ở hai kho là $\frac{4}{9}$. Hỏi mỗi kho chứa bao nhiêu tấn thóc?

Bài 97. Hiện nay, tuổi mẹ gấp ba lần tuổi của con. Sau bốn năm nữa, tuổi của con bằng $\frac{2}{5}$ tuổi của mẹ. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Bài 98. Tìm phân số có giá trị bằng $\frac{4}{9}$. Biết nếu cùng bớt ở tử số và mẫu số 4 đơn vị thì ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{2}{5}$.

Bài 99. Hiện nay, tuổi mẹ gấp bốn lần tuổi con. Năm năm trước, tuổi mẹ gấp bảy lần tuổi con. Tính tuổi của mỗi người hiện nay.

Bài 100. Lớp 5A có số bạn nam bằng $\frac{3}{4}$ số bạn nữ. Nếu chuyển đi 4 bạn nam và 4 bạn nữ thì số bạn nam chiếm $\frac{5}{12}$ tổng số học sinh của lớp. Hỏi lớp 5A có bao nhiêu học sinh?

Bài 101. Tìm phân số có giá trị bằng $\frac{7}{15}$. Biết nếu cùng thêm vào tử số và mẫu số 25 đơn vị ta được phân số mới có giá trị bằng $\frac{3}{5}$.

Bài 102. Khối lượng ngô ở hai bao có tỉ số bằng $\frac{4}{11}$. Biết nếu cùng thêm 5kg ngô vào cả hai bao thì tỉ số khối lượng ngô ở hai bao lúc đó là $\frac{5}{12}$. Hỏi lúc đầu mỗi bao có bao nhiêu ki-lô-gam ngô?

Bài 103. Bốn năm trước, tuổi bố gấp năm lần tuổi con. Bảy năm trước, tuổi bố gấp tám lần tuổi con. Tính tuổi con hiện nay.



ARCHIMEDES

MẦM NON ARCHIMEDES KIDS

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **098 713 5966**

TIỂU HỌC ARCHIMEDES ACADEMY

Trương Công Giai, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 396 6166**

THCS ARCHIMEDES ACADEMY

Trung Yên 10, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
ĐT: **094 769 7171**

TH, THCS & THPT ARCHIMEDES ĐÔNG ANH

Lô I-F1, Tiên Dương, Đông Anh, Hà Nội
ĐT: **039 235 3535**